

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2022

V/v “Yêu cầu xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Sơn

2. Bà Đặng Thị DU

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về “Yêu cầu xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2022 giữa các đương sự:

- NgU đơn: Ông Hồ Xuân L – Sinh năm: 1967

Địa chỉ: KP. C, thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H – Sinh năm: 1972

Địa chỉ: KP. C, thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và lời trình bày của ngU đơn ông Hồ Xuân L tại phiên tòa như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ H có thời gian tìm hiểu, quen biết nhau được 01 tháng cả hai tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 19/4/1993. Bản chính Giấy đăng ký kết hôn bà H đang cất giữ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng ông hạnh phúc. Đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. NgU nhân là do ông phát hiện bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng vì thương con và được sự động viên của hai bên gia đình nên vợ chồng hàn gắn. Đến đầu năm 2020 bà H bỏ nhà ra đi dẫn theo đứa con gái thứ hai đi cùng cho đến nay không về nhà. Từ khi bỏ đi

đến nay ông liên lạc bà H không được. Bà H cũng không liên lạc với ông. Ông có hỏi thăm người quen thì được biết bà H làm thuê ở tỉnh Long An nhưng làm gì, địa chỉ cụ thể thì không biết. Ông chờ bà H về giải quyết việc gia đình nhưng bà H không về, không liên lạc với ông. Hôm nay, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, để được ổn định cuộc sống, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ H có 02 con chung: Hồ Thị Kim N – sinh năm 1993 và Hồ Bảo U – sinh năm 2001. Hai con hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hồ Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H không đến Tòa để lấy lời khai; tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa. Ngày 20/10/2021 Tòa án có gọi điện thoại trực tiếp gặp bà H để báo cho bà H biết việc ông L có yêu cầu xin ly hôn với bà và thông báo thời gian để bà sắp xếp về Tòa án làm việc. Bà H có đơn trình bày ghi ngày 20/10/2021 với nội dung: bà có nhận được điện thoại của Tòa án trao đổi về việc ông L xin ly hôn và thời gian làm việc với bà. Hiện bà đang làm thuê ở tỉnh Long An nhưng vì dịch bệnh bà không về được. Quá trình sống chung với ông L, cuộc sống gia đình cực khổ, ông L cờ bạc, đánh đập bà nên bà bỏ vào tỉnh Long An để làm thuê nuôi con, thanh toán nợ nần cho gia đình. Bà cần có thời gian ông L suy nghĩ lại.

*** *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; NgU đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Xuân L.

- Về con chung: Ông L và bà H có 02 con chung, hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hồ Xuân L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc ông Hồ Xuân L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Hồ Xuân L có đơn khởi kiện về việc: “Yêu cầu xin ly hôn” với bà Nguyễn Thị Mỹ H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có địa chỉ tại KP. C, thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đã được Tòa án thực hiện đầy đủ việc tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Xuân L và bà Nguyễn Thị Mỹ H có thời gian tìm hiểu, xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 439 ngày 19/4/1993. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa ông L và bà H có hạnh phúc. Cho đến năm 2019 thì giữa vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn. Theo ông L trình bày nguyên nhân là do bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên đến năm 2020 thì bà H bỏ nhà ra đi dẫn theo đứa con gái thứ hai đi cùng cho đến nay không quay về nhà. Theo đơn trình bày của bà H thì cho rằng do ông L ăn chơi, cờ bạc dẫn đến cuộc sống gia đình nợ nần, khổ cực nên bà bỏ đi vào tỉnh Long An để làm thuê nuôi con, trả nợ cho gia đình. Như vậy bà H biết việc ông L xin ly hôn nhưng bà H cố tình không đến Tòa để làm việc. Ngày 25/11/2021 Tòa án tiến hành xác minh tại Công an thị trấn H, qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ và nơi bà H đăng ký hộ khẩu thường trú thì hiện nay bà Nguyễn Thị Mỹ H vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ KP. C, thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nhưng bà H hiện nay không có mặt ở tại địa phương. Việc bà H bỏ địa phương đi từ thời gian nào, hiện nay đang làm gì, sinh sống ở đâu Công an không rõ vì bà H không thuộc đối tượng theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình sống chung, cuộc sống giữa vợ chồng ông L và bà H có xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng từ năm 2019 cho đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L đối với bà H.

[3]. Về con chung: Ông Hồ Xuân L và bà Nguyễn Thị Mỹ H có 02 con chung: Hồ Thị Kim N – sinh năm 1993 và Hồ Bảo U – sinh năm 2001, hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hồ Xuân L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Hồ Xuân L phải chịu án phí HNGĐ - ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

***TU xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Xuân L.**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Xuân L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H.

[2]. Về án phí HNGĐ-ST: Ông Hồ Xuân L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền ông L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số 0000532 ngày 12/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[3]. Về quyền kháng cáo: Ông Hồ Xuân L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

TM. ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Dương sự;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- UBND thị trấn H, Đồng Xuân;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Vĩnh Long

